

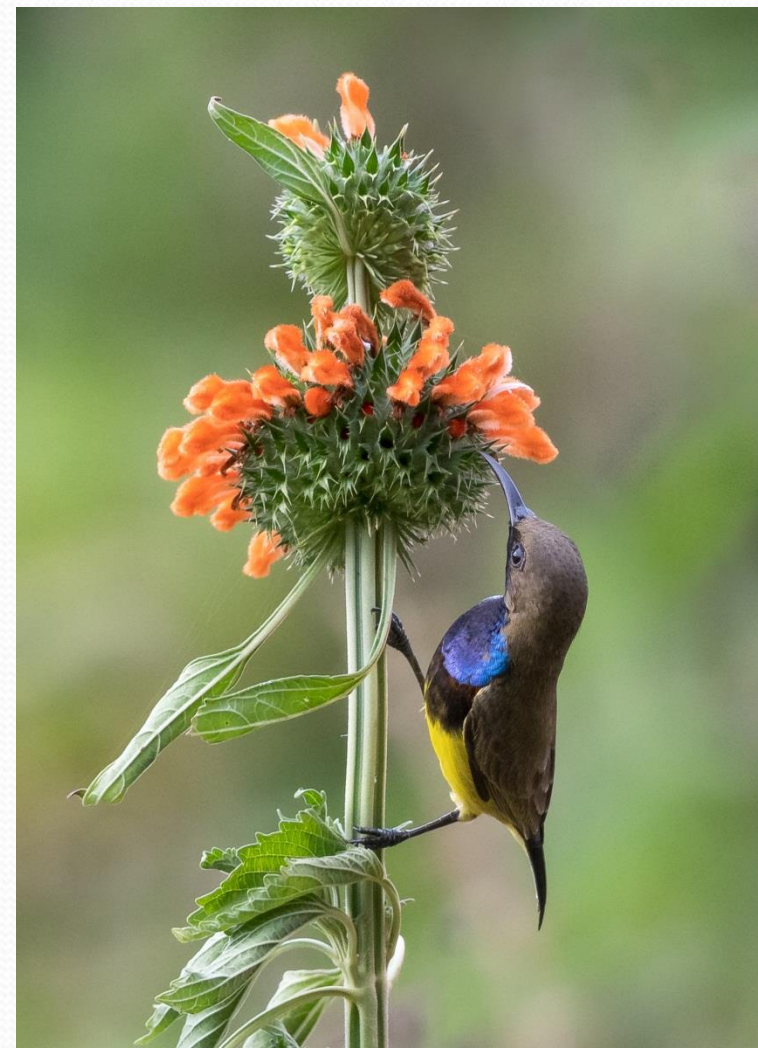


# NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN PHỤC VỤ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC ĐẾN NĂM 2030

**ThS. Trần Trọng Anh Tuấn**  
**Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học,**  
**Tổng cục Môi trường**

# NỘI DUNG TRÌNH BÀY

1. THÔNG TIN CHUNG
2. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU
3. CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2030
4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ĐDSH ĐẾN NĂM 2020
5. NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN PHỤC VỤ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC ĐẾN NĂM 2030



# PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

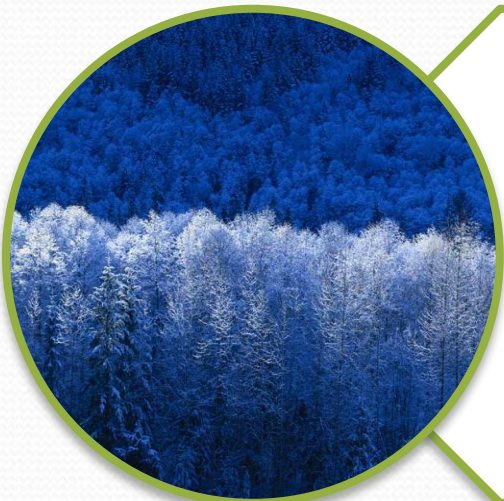


- **Tên đề tài:** Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xác định các nội dung cơ bản phục vụ xây dựng Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040.
- **Thời gian thực hiện:** tháng 10/2020 – 8/2021
- **Mục tiêu:** Đánh giá được kết quả thực hiện Chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và xác định được các nội dung cơ bản phục vụ xây dựng Chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040
- **Cơ quan chủ trì đề tài:** Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

# NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CHÍNH



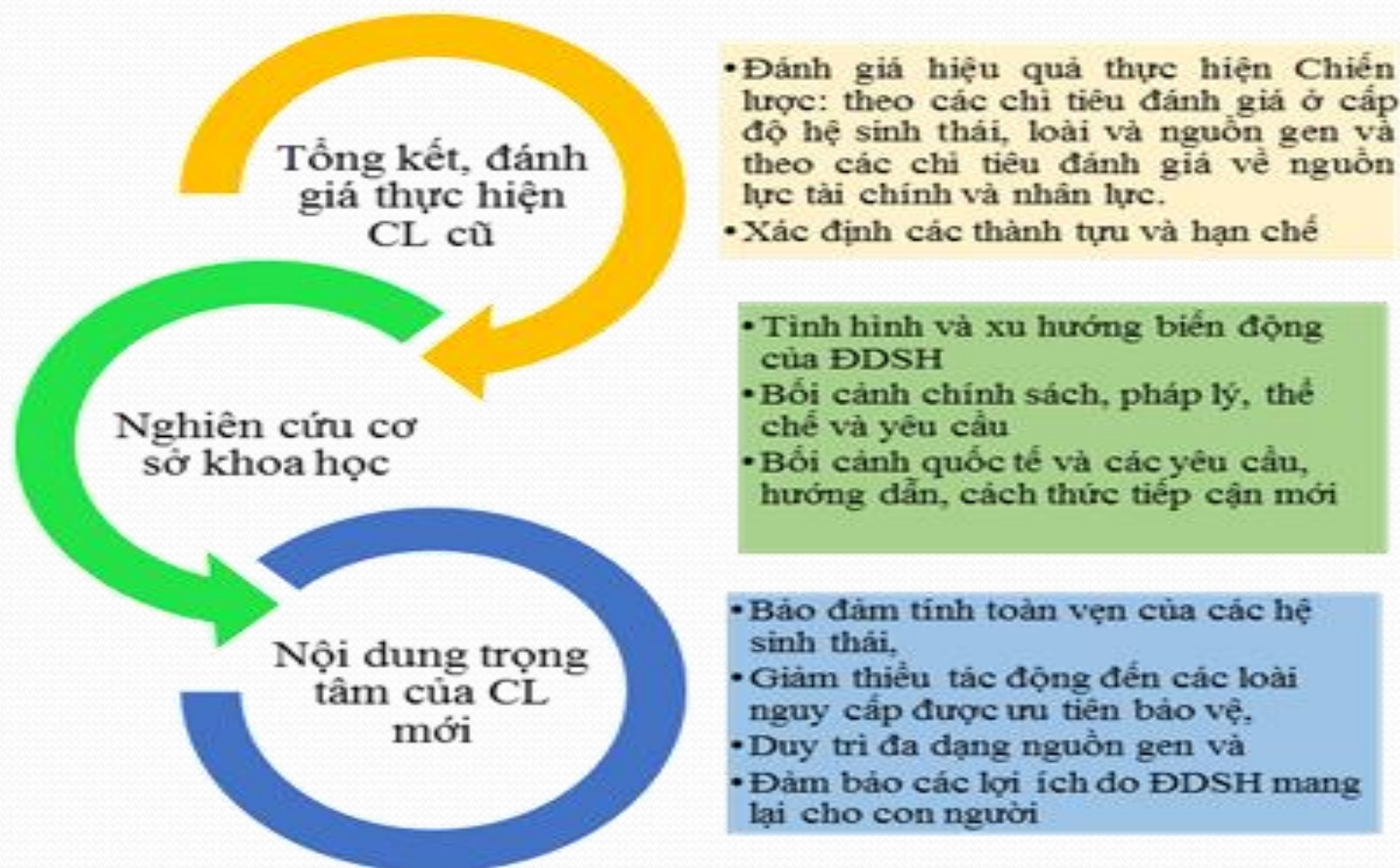
1. Đánh giá hiệu quả của việc thực hiện Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 phê duyệt Chiến lược quốc gia về ĐDSH đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;



2. Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất các nội dung trọng tâm của Chiến lược

## Cách tiếp cận:

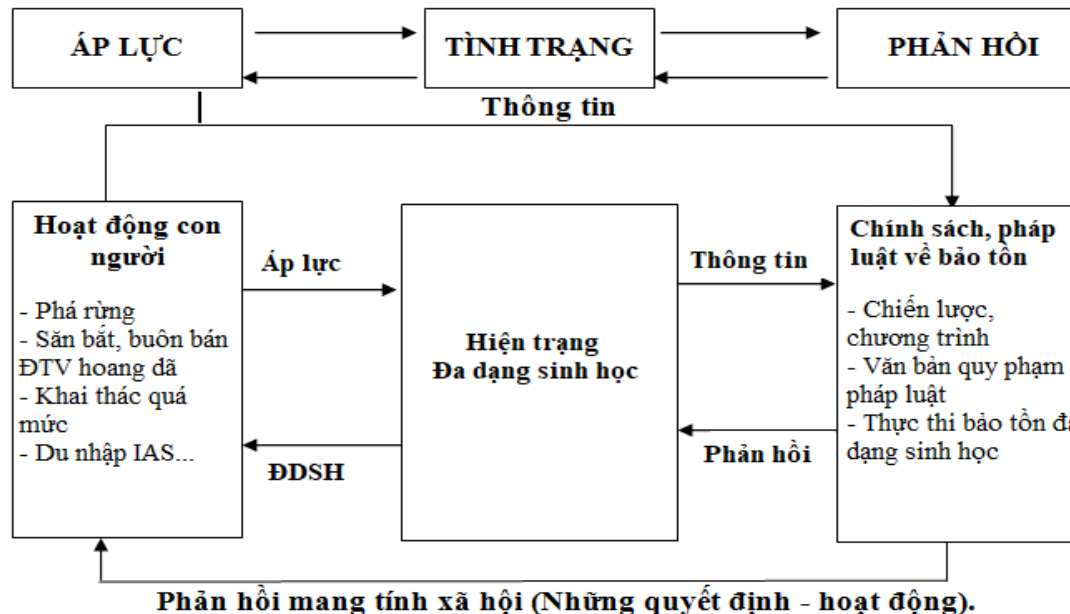
Mục tiêu của đề tài là xây dựng được luận cứ khoa học cho việc đề xuất các nội dung của Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030



*(Sơ đồ mô phỏng phương pháp thực hiện)*

# Phương pháp nghiên cứu:

- ❖ *Phương pháp kế thừa, tổng hợp số liệu;*
- ❖ *Tổng hợp, phân tích và đánh giá tổng hợp thông tin, dữ liệu;*
- ❖ *Phương pháp gửi phiếu điều tra;*
- ❖ *Phương pháp dự báo định tính;*
- ❖ *Phương pháp chuyên gia (phương pháp Delphi)*
- ❖ *Phương pháp sử dụng mô hình DPSIR.*



## PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU



## Tình hình ĐDSH thế giới:

Báo cáo Triển vọng ĐDSH toàn cầu lần thứ 4 (GBO4, 2015):

### ☞ Các vấn đề môi trường thế giới đe dọa đến sự ổn định và phát triển bền vững

**ĐDSH vẫn tiếp tục bị suy giảm:** 85% diện tích vùng ĐNN bị mất đi, suy thoái đất làm giảm 23% năng suất các HST trên cạn; Trung bình khoảng 25% các loài ĐV, TV bị đe dọa và đã có khoảng 1 triệu loài có nguy cơ bị tuyệt chủng (trong tổng số hơn 8 triệu loài)...

**Các mối đe dọa tới ĐDSH tiếp tục gia tăng:** Trong 50 năm qua, dân số loài người đã tăng gấp đôi, nền kinh tế toàn cầu đã tăng gần 4 lần và thương mại toàn cầu đã tăng gấp 10 lần, cùng nhau thúc đẩy nhu cầu năng lượng và vật liệu.

### ☞ Các ràng buộc pháp lý mới, rộng và chặt chẽ hơn trong các cam kết quốc tế, trong đó có cam kết về bảo tồn ĐDSH:

Tháng 9/2020, các nhà lãnh đạo, đại diện cho 88 quốc gia (trong đó có Việt Nam) và khối Liên minh châu Âu, tham gia Hội nghị thượng đỉnh về ĐDSH của Liên hợp quốc, đã cam kết đến năm 2030 đảo ngược xu hướng mất ĐDSH.



# PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

## Tình hình ĐDSH thế giới (tiếp):

Báo cáo Triển vọng ĐDSH toàn cầu lần thứ 4 (GBO4, 2015):

### ☞ Sự ủng hộ đối với bảo tồn ĐDSH đang gia tăng

*Các nước trên thế giới đang soạn thảo Khung Chiến lược toàn cầu về ĐDSH đến năm 2030 - đây được coi là “kim chỉ nam” cho các hành động bảo tồn ĐDSH trên toàn cầu. Dự thảo văn bản dự kiến được thông qua tại cuộc họp COP15 của Công ước ĐDSH trong năm nay.*

*Ngày 1/3/2021, Đại hội đồng Liên hợp quốc tuyên bố giai đoạn 2021 – 2030 là “Thập kỷ về phục hồi hệ sinh thái” nhằm nhân rộng trên quy mô lớn việc phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái và bị phá hủy để chống lại cuộc khủng hoảng khí hậu, tăng cường an ninh lương thực, nguồn nước và ĐDSH...*



# PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

## Tình hình ĐDSH Việt Nam:

☞ **Bối cảnh KT, XH đòi hỏi hội nhập sâu rộng và cần đáp ứng các yêu cầu quốc tế về bảo vệ môi trường, ĐDSH:** Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ XIII đã dự báo tình hình của đất nước trong thời gian tới có những thuận lợi, cơ hội nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức to lớn đan xen.

☞ **ĐDSH tiếp tục bị suy thoái nghiêm trọng:** Hầu hết các HST tự nhiên bị suy thoái hoặc giảm diện tích; Các loài hoang dã, đặc biệt số lượng cá thể của các loài nguy cấp bị giảm nghiêm trọng; Một số nguồn gen vật nuôi có số lượng cá thể quá ít nên dễ mất sự đa dạng, dễ bị đồng huyết, cận huyết và suy giảm chất lượng...

☞ **Yêu cầu về bảo tồn ĐDSH đang được đặt ra trong nhiều quyết sách của Đảng và Nhà nước:** Nghị quyết số 05/NQ-CP của Chính phủ ngày 15/01/2021; Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 15/01/2019; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng ngày 03/6/2013; Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm từ năm 2021- 2030; Chiến lược phát triển của các bộ, ngành khác nhau liên quan tới bảo tồn ĐDSH...

## **PHẦN 3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ĐDSH ĐẾN NĂM 2020**



## **Kết quả triển khai Chiến lược QG về ĐDSH đến năm 2020:**

Đã có 02/7 Chương trình, Đề án đã được trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cụ thể là:

- **Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen:** Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- **Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống KBTTN:** Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành phê duyệt Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống KBT đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Có 02/7 Chương trình, Đề án đang triển khai:

- **Đề án điều tra, kiểm kê ĐDSH và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐDSH:** Bộ TN&MT đang triển khai xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2021;
- **Đề án tăng cường phòng, chống tội phạm về ĐDSH:** Bộ Công an đang phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự thảo.

Có 3/7 Chương trình, dự án ưu tiên trong Chiến lược đã không được xây dựng và mới được lồng ghép một phần vào các văn bản liên quan:

- **Đề án kiện toàn hệ thống tổ chức về ĐDSH;**
- **Chương trình kiểm soát buôn bán, tiêu thụ các loài nguy cấp: việc kiểm soát, buôn bán, tiêu thụ các loài nguy cấp;**
- **Đề án phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái.**

TT	Tên chương trình, đề án, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì xây dựng và trình	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kết quả
1	Đề án kiện toàn hệ thống tổ chức về ĐDSH	Bộ TN&MT	Bộ Nội vụ, Bộ NN&PTNT, UBND cấp tỉnh	2015	<p>- Quyết định số 25/2014/QĐ-TTg ngày 25/3/2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ TN&amp;MT</p> <p>- Quyết định số 28/2017/QĐ-TTg, 3/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ NN&amp;PTNT</p> <p>- Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ TN&amp;MT, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở TN&amp;MT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng TN&amp;MT thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</p>
2	Đề án điều tra, kiểm kê ĐDSH và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐDSH	Bộ TN&MT	UBND cấp tỉnh, Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	2016	Năm 2020, Đã xây dựng dự thảo Đề án và tổ chức nhiều hội thảo xin ý kiến của các chuyên gia. Đến nay, đã có bản dự thảo để trình.
3	Chương trình kiểm soát buôn bán, tiêu thụ các loài nguy cấp	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT, Bộ Công an, Bộ Công Thương	2014	<p>- Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;</p> <p>- Nghị định số: 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</p>

TT	Tên chương trình, đề án, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì xây dựng và trình	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kết quả
4	Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống KBTTN	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT, UBND cấp tỉnh, Ban quản lý KBTTN	2014	Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống KBT đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030
5	Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen	Bộ KH&CN	Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ có liên quan	2015	- Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; - Thông tư số 17/2016/TT-BKH&CN Quy định quản lý thực hiện chương trình bảo tồn và sử dụng nguồn gen đến năm 2025, định hướng tới 2030.
6	Đề án tăng cường phòng, chống tội phạm về ĐDSH	Bộ Công an	Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT	2014	Đang xây dựng (Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường chủ trì)
7	Đề án phục hồi các HST tự nhiên quan trọng bị suy thoái	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT, UBND cấp tỉnh	2015	Quyết định số 886/QĐ-TTg, 16/6/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2016-2020

*Nhìn chung, các Chương trình, dự án đều được xây dựng hoặc lồng ghép vào các văn bản pháp luật có liên quan nhưng chưa thực sự kịp thời, một số Chương trình, dự án mới bắt đầu triển khai xây dựng. Do nhiều nguyên nhân nên việc xây dựng và trình các Chương trình, dự án ưu tiên chưa đảm bảo với tiến độ và việc hỗ trợ thực hiện Chiến lược cũng chưa thực sự hiệu quả.*

# Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu:

## ➤ Bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên:

- Thành lập mới 09 KBT (04 KBT ĐNN, 03 khu RĐD, 02 KBTB), nâng tổng số KBT hiện có lên 176 khu với tổng diện tích 2.512.530,78 ha.
- Thành lập 03 hành lang ĐDSH tại các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên Huế và Quảng Trị với tổng diện tích 521.878,28 ha.
- Diện tích RPH năm 2019 là 4,646 triệu ha, chiếm 31,8% tổng diện tích rừng cả nước;
- Các danh hiệu quốc tế gồm:

- 09 khu Ramsar;
- 10 khu AHP;
- 09 khu Dự trữ sinh quyển thế giới;
- 06 khu Di sản thiên nhiên thế giới (VQG Phong Nha-Kẻ Bàng được công nhận lần 02 là Di sản thiên nhiên thế giới với tiêu chí ĐDSH, sinh thái).

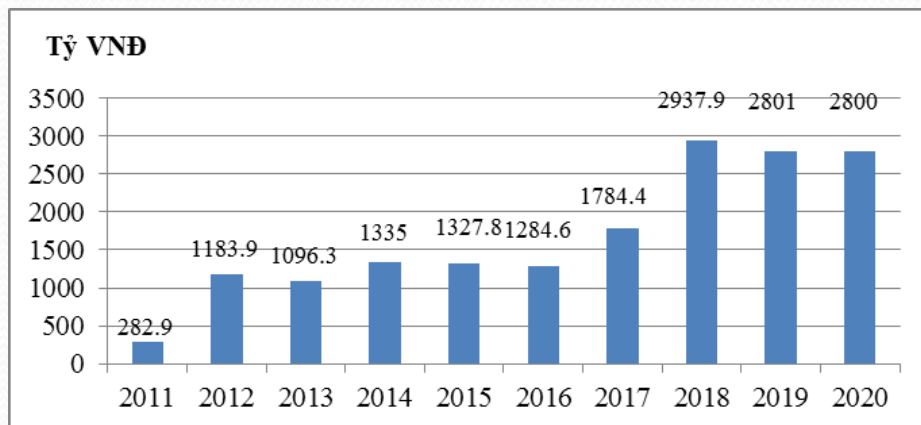


## **Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu (tiếp):**

- **Bảo tồn các loài hoang dã và các giống vật nuôi, cây trồng nguy cấp, quý, hiếm:**
  - Trong giai đoạn 2010 - 2020, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đã công bố: 01 họ, 5 giống/chi mới và 606 loài và phân loài sinh vật mới.
  - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (2015) đã đề xuất đưa vào Sách đỏ Việt Nam giai đoạn tới 1.211 loài với các bậc phân hạng khác nhau, gồm 600 loài thực vật và nấm; 611 loài động vật là thú, chim, bò sát-ếch nhái, côn trùng, động vật không xương sống nước ngọt và biển. Như vậy, so với **Sách đỏ Việt Nam 2007 thì số lượng loài đề xuất vào Sách đỏ Việt Nam giai đoạn mới này tăng hơn nhiều.**
  - Tỷ lệ sản lượng nuôi chiếm hơn 1/2 tổng sản lượng thủy sản hàng năm, làm giảm áp lực khai thác thủy sản tự nhiên, đặc biệt khi sản lượng khai thác thủy sản tự nhiên đã tới hạn.
  - Thu thập được **45.975 nguồn gen của trên 500 loài cây trồng**. 23 giống được đưa vào danh sách giống được phép kinh doanh và sản xuất của Bộ NN&PTNT.
  - Viện Dược liệu: duy trì mạng lưới bảo tồn nguồn gen cây thuốc tại 07 vùng sinh thái trên cả nước, **đã lưu giữ và bảo tồn 1.531 nguồn gen thuộc 884 loài.**

# Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu (tiếp):

## Sử dụng bền vững và thực hiện cơ chế chia sẻ hợp lý lợi ích từ DV HST và ĐDSH:



Từ năm 2011 đến nay, thu được từ các bên sử dụng DVMTR đạt 16.833,8 tỷ đồng, hơn 500.000 hộ gia đình và cộng đồng tham gia QLBRV được chi trả trung bình khoảng 2 triệu đồng/hộ/năm. Diện tích rừng được nhận tiền DVMTR tăng từ gần 1,4 triệu ha năm 2011 đến năm 2020 là trên 6,8 triệu ha

- Năm 2016, đại diện các Chính phủ và các tổ chức hội nhập kinh tế khu vực tham dự Hội nghị về buôn bán trái pháp luật động, thực vật hoang dã tại Hà Nội đã ra **Tuyên bố Hà Nội về chống buôn bán trái pháp luật động, thực vật hoang dã nguy cấp**.
- Thiết lập cơ chế quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 về quản lý ABS; - Cấp 03 Giấy phép ABS vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại); cấp 02 Giấy phép ABS không vì mục đích thương mại và ban hành hơn 60 quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại.

## Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu (tiếp):

### → Kiểm soát các hoạt động gây tác động xấu đến ĐDSH:

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước, phương thức canh tác, khai thác kém bền vững và các hoạt động gây ô nhiễm môi trường: Nội dung đánh giá tác động đến ĐDSH được chú trọng trong ĐMC và ĐTM; Luật Lâm nghiệp quy định không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia...
- Hạn chế khai thác quá mức và thay đổi phương thức đánh bắt, khai thác, nuôi trồng nông, lâm, thủy sản kém bền vững; thực hiện các biện pháp loại bỏ hình thức đánh bắt, khai thác mang tính huỷ diệt;
- Kiểm soát nạn khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã;
- Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; tăng cường quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật BĐG;
- *Bộ TN&MT đã cấp Giấy chứng nhận ATSH cho 05 sự kiện ngô BĐG kháng sâu hại và chống chịu thuốc trừ cỏ; Bộ NN&PTNT đã công nhận kết quả khảo nghiệm đối với 05 sự kiện ngô BĐG (02 sự kiện đã khảo nghiệm xong nhưng chưa được cấp); cấp Giấy xác nhận thực vật BĐG đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi cho 39 sự kiện: 14 sự kiện đậu tương, 16 sự kiện của ngô, 04 sự kiện cải dầu, 02 sự kiện cỏ linh lăng, 02 sự kiện bông, 01 sự kiện củ cải đường.*

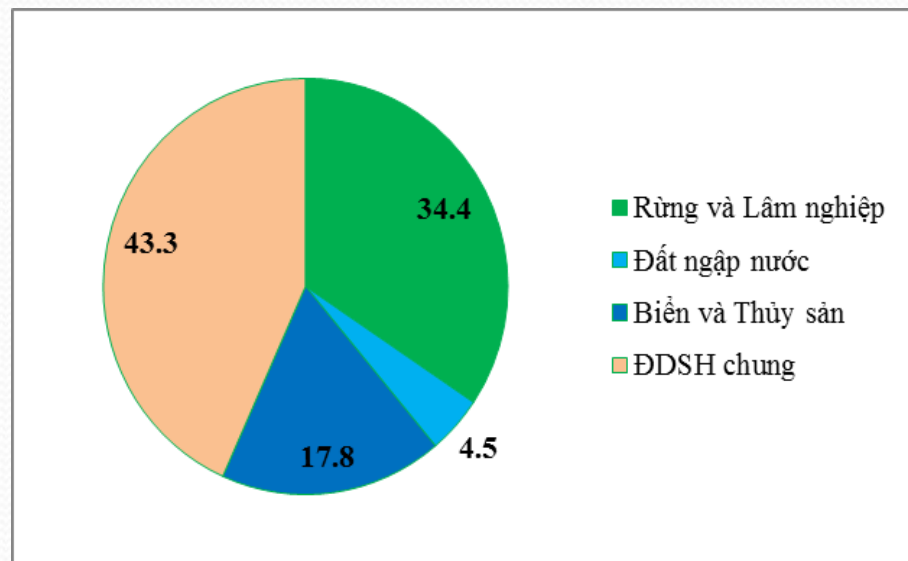
## Kết quả thực hiện các giải pháp:

### ➤ **Tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của các cơ quan quản lý và cộng đồng trong bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH:**

- Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương Việt Nam ủng hộ cam kết của các nhà lãnh đạo thế giới về thiên nhiên nhân dịp hội nghị thượng đỉnh về ĐDSH trong khuôn khổ khóa họp lần thứ 75 của Đại hội đồng Liên hợp quốc;
- Đẩy mạnh hoạt động tôn vinh các tấm gương, mô hình của các tổ chức, cá nhân về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH; Xây dựng và triển khai chuyên mục về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### ➤ **Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về ĐDSH**

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật về ĐDSH bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả;
- Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý về ĐDSH; xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý về ĐDSH;
- Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thực thi pháp luật; Nghiên cứu thiết lập mạng lưới quan trắc ĐDSH.



Tỷ lệ % giữa các văn bản chính sách pháp luật của Chính phủ liên quan tới bảo tồn ĐDSH và các dịch vụ HST rừng, ĐNN và biển

## **Kết quả thực hiện các giải pháp (tiếp):**

### **➤ Đẩy mạnh lồng ghép nội dung về bảo tồn ĐDSH trong hoạch định chính sách:**

- Năm 2014, đã xây dựng bộ chỉ thị/chỉ tiêu/thông số đánh giá hiệu quả thực hiện Chiến lược ĐDSH các cấp (cấp quốc gia 36 chỉ thị/thông số; cấp tỉnh, khu bảo tồn 31 chỉ thị/thông số). Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TN&MT quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có lồng ghép các nội dung bảo tồn ĐDSH, Bộ TN&MT đã xây dựng tài liệu "Phương pháp luận và hướng dẫn lồng ghép nội dung bảo tồn ĐDSH vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh".
- Đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn kỹ thuật: *Đánh giá tác động ĐDSH lồng ghép trong Đánh giá tác động môi trường*;

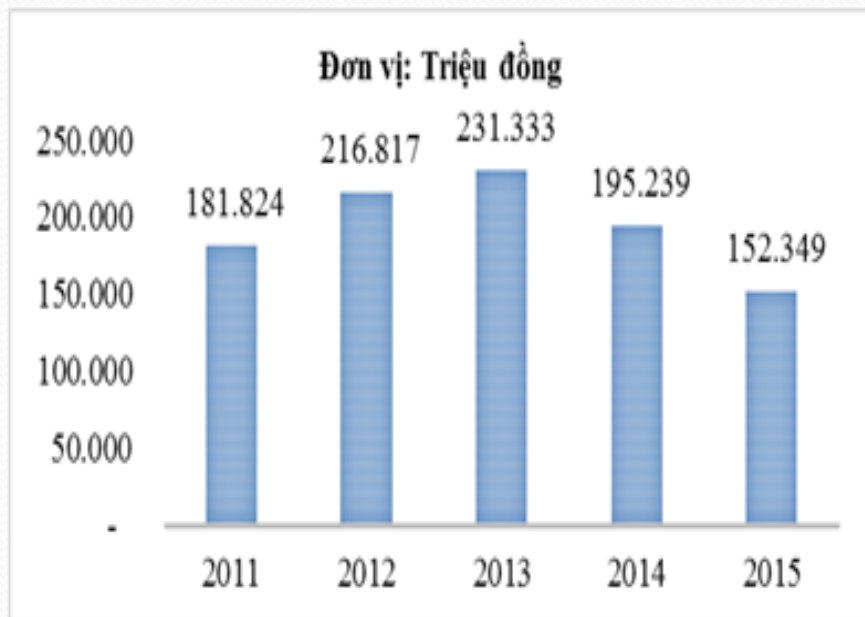
### **➤ Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH**

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH; tập trung các nghiên cứu ứng dụng phát triển các mô hình gây nuôi và tái thả các loài hoang dã vào tự nhiên, sử dụng bền vững loài, nguồn gen, các mô hình du lịch sinh thái hiệu quả;
- Phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, sử dụng các biện pháp khai thác bền vững về tài nguyên thiên nhiên và ĐDSH;
- Tham gia Hiệp hội kiểm kê và lượng giá dịch vụ hệ sinh thái do Ngân hàng Thế giới khởi xướng và thúc đẩy thực hiện kiểm kê tài nguyên thiên nhiên quốc gia;
- Tăng cường nghiên cứu thăm dò sinh học, phát hiện các vật liệu di truyền và dẫn xuất có giá trị ứng dụng cao cho phát triển kinh tế - xã hội.

# Kết quả thực hiện các giải pháp (tiếp):

## ➤ Tăng cường nguồn lực tài chính cho bảo tồn ĐDSH:

- Trong giai đoạn 2011-2015, Việt Nam đã chi trung bình khoảng 22.910.016 triệu đồng ( $\approx 1.818$  triệu USD) và trung bình khoảng 4.582.003 triệu đồng ( $\approx 203,65$  triệu USD) mỗi năm cho ĐDSH. Phần lớn chi tiêu ĐDSH ở Việt Nam là từ ngân sách nhà nước (77%), tiếp theo là các nguồn lực xã hội (19%) và cuối cùng là khu vực tư nhân (4%);
- Trong giai đoạn 2011-2015, Tổng mức chi tiêu tư nhân cho ĐDSH là 977.562 triệu đồng ( $\approx 43,4$  triệu USD), tập trung vào mục tiêu tăng cường sử dụng bền vững các HST tự nhiên, tiếp cận dựa vào HST trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn các loài hoang dã quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.



Nguồn tài chính tư nhân cho ĐDSH giai đoạn 2011-2015

Năm	Nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ (Chương trình bảo tồn nguồn gen nông, lâm nghiệp và thủy sản)	Kinh phí sự nghiệp môi trường (Đề án 47 xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên biển và có giải pháp phục hồi nguồn lợi biển)
2010		1.865
2011	11.700	30.000
2012	20.000	30.000
2013	19.800	13.00
2014	16.000	7.700
2015	14.000	21.000
2016	14.000	5.000
2017	14.000	48.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.500</b>	<b>186.565</b>

Tổng hợp kinh phí cho hoạt động bảo tồn ĐDSH (triệu đồng)

# Kết quả thực hiện các giải pháp (tiếp):

- **Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH:**
  - Tới nay, Việt Nam đã tham gia ký kết và phê chuẩn **05 Công ước, 02 Nghị định thư quốc tế** liên quan đến ĐDSH;
  - **Hợp tác với Trung tâm ĐDSH ASEAN (ACB);** Phối hợp với các tổ chức quốc tế có liên quan trong lĩnh vực an toàn sinh học; Xây dựng và thực hiện các dự án vừa và nhỏ trong khuôn khổ tài trợ của Trung tâm Ramsar Đông Á (RRC) và Quỹ tài trợ nhỏ của Ban thư ký Công ước Ramsar (SGF); Hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Birdlife International, IUCN, WWF Ủy hội sông Mê Công Việt nam và Ủy hội sông Mê Công khu vực về quản lý các hệ sinh thái, bảo tồn các khu Ramsar, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên (2011-2014)
  - Đến nay đã có nhiều tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn có văn phòng hoạt động tại Việt Nam, như: **IUCN, WWF, FFI, Carier,...** Hoạt động của các tổ chức quốc tế đã bám sát được các thay đổi về hoạt động bảo tồn tại các vùng trọng điểm của Việt Nam như vùng sinh thái Bắc Trung bộ, Tây Nguyên, dải ven biển Đông, Tây Nam Bộ và một số đảo ven bờ, một số lưu vực sông gắn với ĐNN. **Các nhà tài trợ và đối tác chính thực hiện các nội dung trên là: WB, ADB, GEF, UNEP, Danida, Sida, CIDA, UNDP, IUCN, WWF, FFI, FAO, NOAA, Hà Lan, Pháp, PEMSEA, COBSEA, UNESCO,...**



## Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

### ➤ Tồn tại, hạn chế:

- ĐDSH tiếp tục bị suy giảm: Diện tích rừng có chiều hướng tăng, chủ yếu là rừng trồng thuần loài; Các HST sông, hồ, đầm phá cũng đang bị khai thác quá mức, chịu áp lực nặng nề; Một số nguồn gen vật nuôi có số lượng cá thể quá ít....
- Tình hình vi phạm pháp luật về ĐDSH, bảo vệ rừng vẫn tiếp tục ở mức cao: Số vụ vi phạm pháp luật về BV&PTR giai đoạn 2016-2020 là 73.834 vụ, bình quân 14.667 vụ/năm. Diện tích rừng bị thiệt hại là 11.661 ha; Năm 2019, diện tích rừng bị thiệt hại do phá rừng trái phép là 578 ha, giảm 10 ha (2%) so với năm 2018; đã xảy ra 292 vụ cháy rừng (tăng 117 vụ, tương ứng 67% so với năm 2018), diện tích rừng bị thiệt hại là 1.997 ha rừng các loại, tăng 1.649 ha so với cùng kỳ năm 2018;.
- Thiếu thông tin và CSDL về ĐDSH: Chưa thực hiện được kiểm kê và quan trắc ĐDSH trên toàn quốc; Cơ sở thông tin, dữ liệu liên quan tới ĐDSH phân tán tại các ngành, đơn vị khác nhau theo các đề tài, dự án riêng lẻ;
- Chưa phát huy được giá trị của ĐDSH phục vụ cho phát triển bền vững;
- Tiến độ thực hiện Chiến lược còn chậm và chưa đạt được kết quả như mong đợi.

# Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (tiếp):

## ➤ Nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan: Áp lực từ những thay đổi về dân số học làm tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên; Chuyển đổi sử dụng đất/mặt nước thiếu cơ sở khoa học; Khai thác và buôn bán bất hợp pháp động, thực vật hoang dã; Biến đổi khí hậu....
- Nguyên nhân chủ quan: Hệ thống chính sách, pháp luật chưa chưa đồng bộ, tính hiệu lực, hiệu quả chưa cao; Hệ thống bộ máy tổ chức quản lý ĐDSH còn phân tán, nguồn nhân lực mỏng, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao; Công tác thực thi pháp luật còn yếu kém; Nguồn tài chính đầu tư cho ĐDSH hạn hẹp; Nhận thức về bảo tồn ĐDSH dù đã được cải thiện song vẫn còn nhiều hạn chế...



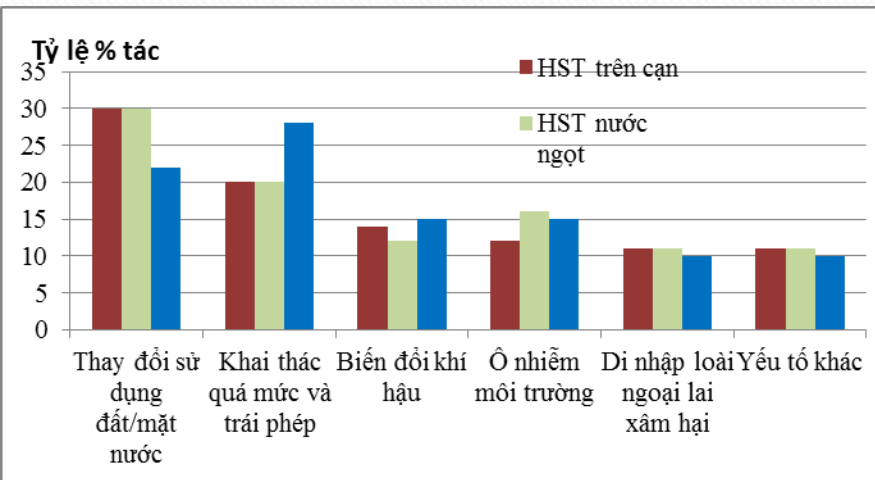
# PHẦN 4. CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2030



## Nguyên nhân gây suy giảm ĐDSH:

- **Khai thác quá mức và bất hợp pháp tài nguyên sinh vật:** Tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên sinh vật dẫn tới khai thác quá mức khả năng cung cấp của các HST, khả năng phục hồi của quần xã sinh vật, đặc biệt nhóm sinh vật có giá trị kinh tế. Điều đó dẫn tới các HST bị suy thoái, tính ĐDSH suy giảm, tài nguyên sinh vật bị cạn kiệt
- **Chuyển đổi sử dụng đất/mặt nước không có cơ sở khoa học thích hợp:** Nhiều tác giả trên thế giới đã nhận định việc thay đổi sử dụng đất là một trong những áp lực quan trọng nhất tác động tới các HST tự nhiên vốn có để chuyển sang các HST nhân tạo khác và qua đó làm giảm ĐDSH và dịch vụ HST. Ở Việt Nam, việc chuyển đổi sử dụng đất cho nhiều mục đích khác nhau diễn ra liên tục trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội.
- **Ô nhiễm môi trường và BĐKH:** Quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá diễn ra nhanh chóng; hướng nông nghiệp thâm canh, nuôi tôm, cá công nghiệp đã và đang được triển khai rộng khắp; sử dụng nhiều hóa chất như phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc kháng sinh, chế phẩm kích thích sinh trưởng, phát triển.
- **Sự du nhập các loài ngoại lai xâm hại.**
- **Những ảnh hưởng của thay đổi về ĐDSH và các dịch vụ HST đối với nền KT-XH.**

*Tỷ lệ % của mỗi nguyên nhân trực tiếp gây tác động tới ĐDSH của các HST khác nhau*



## **Nguồn lực cho công tác bảo tồn ĐDSH:**

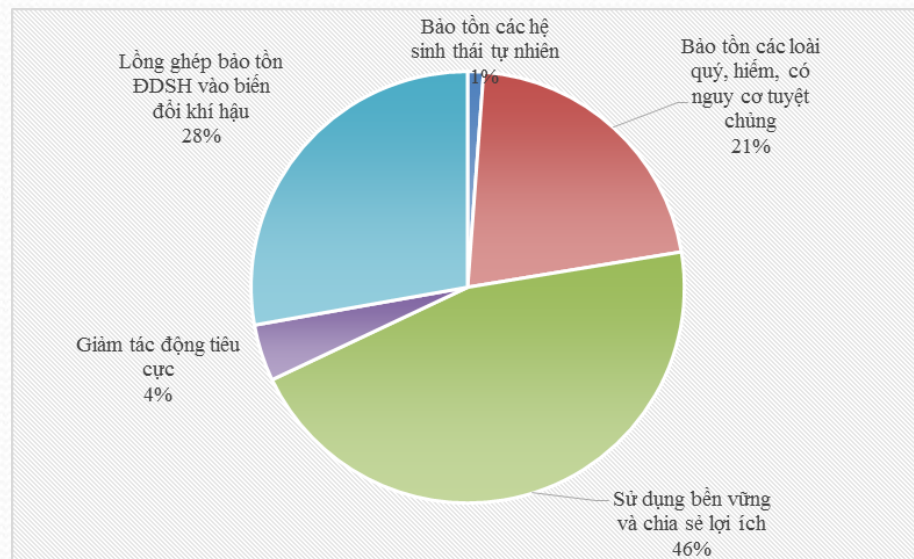
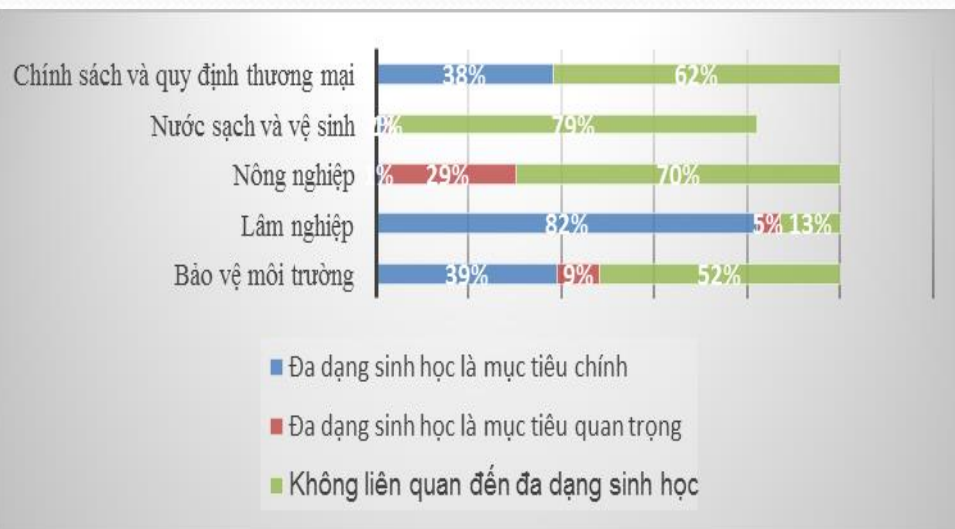
### ➤ **Ngân sách cho bảo tồn ĐDSH ở Trung ương:**

- **Bộ TN&MT:** từ năm 2006 đến nay, nguồn chi cho SNMT (bao gồm bảo tồn ĐDSH) ở Việt Nam đạt 1% tổng ngân sách từ nguồn ngân sách trung ương và địa phương. Tuy nhiên, so với GDP, tỉ lệ chi ngân sách cho môi trường năm 2010 chỉ đạt xấp xỉ 0,4% GDP.
- **Bộ NN&PTNT:** Ước tính ngân sách cho chi phí thường xuyên cho các KBT trong giai đoạn 2003-2010 là 410,6 tỷ đồng, tăng bình quân 13%/năm.
- **Bộ KH&CN:** nguồn tài chính chính của Chương trình Ngân hàng gen là từ ngân sách nhà nước (Bộ KH&CN, 2014). Trong đó, 40% nguồn tài chính là dành các hoạt động bảo tồn nguồn gen được thực hiện bởi các Bộ, 55% nguồn tài chính dành cho khai thác và phát triển nguồn gen; và 5% để đánh giá di truyền nguồn gen.

### ➤ **Ngân sách cho bảo tồn ĐDSH của địa phương:** Theo quy định của Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT và Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT, ở cấp địa phương, kinh phí cho bảo tồn ĐDSH được trích từ nguồn ngân sách của địa phương theo các nguồn: Nguồn SNMT, Nguồn SNKT, Nguồn SNKH&CN, Nguồn SNHC, Nguồn đầu tư phát triển. Tuy nhiên trên thực tế, kinh phí cho hoạt động bảo tồn ĐDSH tại địa phương rất hạn chế, phụ thuộc vào ngân sách của từng địa phương.

## Nguồn lực cho công tác bảo tồn ĐDSH (tiếp):

- **Sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp đầu tư tài chính cho ĐDSH:** Khuyến khích, huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp đầu tư tài chính; Xây dựng cơ chế đa dạng hoá nguồn đầu tư cho bảo tồn ĐDSH;
- **Tăng cường sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho các hoạt động bảo tồn ĐDSH:**



Tỷ lệ dự án ODA cho ĐDSH trong từng ngành năm 2011-2015

Chi tiêu tư nhân cho ĐDSH theo các mục tiêu của NBSAP

# Các quan điểm của Chiến lược

- a) ĐDSH là vốn tự nhiên quan trọng để phát triển kinh tế xanh; bảo tồn ĐDSH vừa là giải pháp trước mắt, vừa là giải pháp lâu dài, bền vững nhằm BVMT, phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH.
- b) Bảo tồn ĐDSH kết hợp sử dụng bền vững các dịch vụ HST và ĐDSH góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; thực hiện tiếp cận HST trong bảo tồn và sử dụng ĐDSH.
- c) Bảo tồn ĐDSH là quyền và trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân. Lợi ích từ ĐDSH và dịch vụ HST được chia sẻ công bằng, hợp lý, phù hợp với sự tham gia, đóng góp của tổ chức và cá nhân.
- d) Tăng cường nguồn lực, ưu tiên đầu tư bảo tồn ĐDSH, phục hồi và phát triển các HST tự nhiên; đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường hợp tác quốc tế về bảo tồn ĐDSH.

## **Xác định tầm nhìn Chiến lược**

Đến năm 2050, ĐDSH và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá, bảo tồn, phục hồi, sử dụng hợp lý và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân.



## **Mục tiêu đến năm 2030**

**Mục tiêu tổng quát:** Gia tăng diện tích các HST tự nhiên được bảo vệ, phục hồi và bảo đảm tính toàn vẹn, kết nối; ĐDSH được bảo tồn, sử dụng bền vững nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng nền kinh tế xanh, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

# MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

Diện tích các khu  
bảo tồn thiên nhiên  
trên đất liền

**9%** diện tích  
lãnh thổ  
đất liền

Diện tích các vùng biển, ven  
biển được bảo tồn

**3 - 5%** diện tích vùng biển  
tự nhiên của quốc gia



# MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030



**70%** Khu bảo tồn  
thiên nhiên,  
di sản  
thiên nhiên được đánh giá  
hiệu quả quản lý



**≥ 20%**

Diện tích hệ sinh thái tự nhiên  
bị suy thoái được phục hồi

## MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

**$\geq 100.000$**

Nguồn gen hoang dã  
và giống cây trồng, vật nuôi  
được lưu giữ và bảo tồn đạt mục tiêu  
thu thập, lưu giữ

Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc  
duy trì

**42 - 43%**



# MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

Bảo tồn hiệu quả các loài hoang dã, đặc biệt loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư

Không có thêm loài hoang dã bị tuyệt chủng

Tình trạng quần thể của  $\geq 10$  loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được cải thiện

Hạn chế các tác động tiêu cực tới đa dạng sinh học



## MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2050



Các HST tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn thực sự hiệu quả;



ĐDSH và dịch vụ HST được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái, chủ động ứng phó với BĐKH, phát triển bền vững đất nước.

# NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

## 1. Tăng cường bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học:

- a) Mở rộng và nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và hành lang ĐDSH;
- b) củng cố và mở rộng các khu vực tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế;
- c) Áp dụng biện pháp bảo tồn hiệu quả tại khu vực ngoài khu bảo tồn thiên nhiên;
- d) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái.



# NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

## 2. Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- Điều tra, đánh giá thực trạng các loài thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm;
- Định kỳ cập nhật và công bố Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- Mở rộng và tăng cường năng lực mạng lưới các trung tâm cứu hộ trên toàn quốc bảo đảm nhu cầu cứu hộ các loài hoang dã theo vùng miền và loại hình cứu hộ các loài hoang dã, phát triển các cơ sở gây nuôi bảo tồn.



# NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

## 3. Tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen, quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ TTTT về nguồn gen:

- Thực hiện hiệu quả Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen;
- Hoàn thành việc điều tra kiểm kê tình hình phân bố của các nguồn gen cây trồng, vật nuôi trên toàn quốc;
- Mở rộng và củng cố mạng lưới quỹ gen; Đa dạng hóa các giống cây trồng, giống vật nuôi;
- Tăng cường thu thập, tư liệu hóa, lập chỉ dẫn địa lý và thực hiện các biện pháp bảo tồn TTTT về nguồn gen;
- Thúc đẩy việc thực hiện NĐT Nagoya về ABS;
- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường năng lực về ABS giai đoạn 2016 – 2025.



# NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

## 4. Đánh giá, phát huy lợi ích của ĐDSH phục vụ phát triển bền vững, phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH:

- a) Điều tra, kiểm kê, thống kê, đánh giá và xây dựng CSDL quốc gia về ĐDSH;
- b) Sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái;
- c) Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học đô thị và nông thôn;
- d) Bảo tồn đa dạng sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu;



# NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

## 5. Kiểm soát các hoạt động gây tác động tiêu cực đến ĐDSH:

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động chuyển mục đích sử dụng đất, rừng, mặt nước, phương thức canh tác, khai thác kém bền vững và các hoạt động gây ô nhiễm môi trường;
- Kiểm soát nạn khai thác, nuôi nhốt, buôn bán và tiêu thụ động vật, thực vật hoang dã trái pháp luật;
- Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; tăng cường quản lý ATSH đối với sinh vật BĐG.





VIETNAM  
BIODIVERSITY

Thank you

